67

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TÂY NINH
**PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Tây Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026*

Số:

4779/26

# GIẤY XÁC NHẬN

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp**

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Tây Ninh
Địa chỉ trụ sở: *Số 61 Trương Định, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*
Điện thoại: 0272.3826.428 - 0272.3979995 (bưu điện)
Số Fax:
Thư điện tử: dkkdtayninh@gmail.com Website:

**Xác nhận:**

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH HƯNG PHÁT Á CHÂU

Mã số doanh nghiệp: 1101899699

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 1 | Thoát nước và xử lý nước thải | 3700 |
| 2 | Xây dựng nhà để ở | 4101 |
| 3 | Xây dựng công trình đường sắt | 4211 |
| 4 | Xây dựng công trình đường bộ | 4212 |
| 5 | Xây dựng công trình công ích khác | 4229 |
| 6 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi giao thông, điện năng, cấp thoát nước, xử lý chất thải. | 4299 |
| 7 | Phá dỡ | 4311 |
| 8 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 9 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 10 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác | 4322 |
| 11 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 12 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 13 | Bán buôn tổng hợp | 4690 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 14 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: hoạt động của đại lý bán vé máy bay; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; giải quyết các công việc khác theo ủy quyền | 5229 |
| 15 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập thiết kế kỹ thuật, dự toán nghiệp vụ đo đạc bản đồ chuyên ngành - Xây dựng mạng lưới địa chính và đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính - Đo đạc thành lập bản đồ địa chính - Đo đạc lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1;1000, 1:2000, 1:5000 - Thành lập các loại bản đồ chuyên ngành - Đo đạc quan trắc về biến dạng các công trình xây dựng - Khảo sát địa hình - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình - Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng, phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng - Đo bóc khối lượng - Xác định , thẩm tra , dự toán xây dựng - Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng, Kiểm soát chi phí xây dựng công trình - Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán , quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng , công nghiệp - Thiết kế xây dựng công trình giao thông , Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định , tư vấn giám sát , tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn lập cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Khảo sát, lập luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình đo đạc bản đồ - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng | 7110(Chính) |
| 16 | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật | 7120 |
| 17 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng | 7410 |
| 18 | Cho thuê xe có động cơ | 7710 |
| 19 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển | 7730 |
| 20 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931 |
| 21 | Vận tải hành khách đường bộ khác | 4932 |
| 22 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt<br>(trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt và trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) | 5221 |
| 23 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy | 5222 |
| 24 | Dịch vụ ăn uống khác<br>(trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ) | 5629 |
| 25 | Điều hành tua du lịch | 7912 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 26 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2592 |
| 27 | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2630 |
| 28 | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2651 |
| 29 | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2814 |
| 30 | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2816 |
| 31 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp lý) | 6619 |
| 32 | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị để đo đạc, lắp đặt thiết bị thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, điện năng, cấp thoát nước, xử lý chất thải. Lắp đặt thiết bị quan trắc các công trình xây dựng. | 3320 |
| 33 | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2824 |
| 34 | Sản xuất sản phẩm chịu lửa<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2391 |
| 35 | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2392 |
| 36 | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 2393 |
| 37 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 0810 |
| 38 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 3900 |
| 39 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở) | 4329 |
| 40 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659 |
| 41 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4673 |
| 42 | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu | 4679 |
| 43 | Bán lẻ đồ uống | 4723 |
| 44 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp | 4653 |
| 45 | Đại lý lữ hành | 7911 |
| 46 | Hoạt động liên quan đến du lịch khác | 7990 |
| 47 | Sản xuất trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) | 1410 |
| 48 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) | 4933 |
| 49 | Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị | 3312 |
| 50 | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn về môi trường | 7499 |
| 51 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động | 5610 |

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|---|---|---|
| 52 | Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm | 4651 |
| 53 | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý. Môi giới | 4610 |
| 54 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4752 |
| 55 | Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) | 4773 |
| 56 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 4620 |
| 57 | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự | 5510 |
| 58 | Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác | 4662 |
| 59 | Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; kiểm tra và phân tích kỹ thuật. | 7020 |

***Nơi nhận:***
-CÔNG TY TNHH HƯNG PHÁT Á CHÂU. Địa chỉ:Thửa đất số 666, tờ bản đồ số 21, ấp Chánh, Xã Hậu Nghĩa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Nguyễn Thị Út Hiền.....

**KT.TRƯỞNG PHÒNG**
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ TÀI CHÍNH TỈNH TÂY NINH

Phan Thành Kiệt